



QUẢN TRỊ RỦI RO THANH KHOẢN CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY

TS. Lê Thị Tuyết Hoa *

Nhiều năm trước đây, nhìn chung, vấn đề thanh khoản của các ngân hàng thương mại (NHTM) Việt Nam không đến nỗi căng thẳng, nhưng kể từ năm 2007 đến nay, thì nhiều thời điểm trở thành vấn đề thời sự, một số thời điểm trở thành vấn đề nóng. Đặc biệt cuối năm 2011, một số NHTM rơi vào tình trạng mất thanh khoản, Ngân hàng Nhà nước (NHNN) phải hỗ trợ kịp thời bằng hình thức phù hợp. Đây cũng là nguyên nhân quan trọng của một số NHTM cổ phần quy mô khiêm tốn chạy đua tăng lãi suất trên thị trường. Vấn đề thanh khoản trong thời gian qua có nhiều nguyên nhân khách quan và chủ quan, nhưng hàng đầu vẫn là quản trị rủi ro thanh khoản của NHTM.

Bài viết xin trao đổi một số nguyên lý cơ bản về vấn đề này.

Trước hết xin trao đổi về một số khái niệm cơ bản. Có nhiều quan niệm, cách diễn đạt khác nhau về thanh khoản, rủi ro thanh khoản và quản trị rủi ro thanh khoản, song theo tác giả bài viết, 3 nội dung đó được hiểu như sau:

Dưới góc độ tài sản, thanh khoản là khả năng dễ dàng chuyển hóa thành tiền của tài sản và ngược lại. Một tài sản được xem là thanh khoản khi đáp ứng được các tiêu chí: Có sẵn số lượng để mua hoặc để bán; có sẵn thị trường giao dịch; giá cả (chi phí giao dịch) hợp lý.

Rủi ro thanh khoản là khả năng ngân hàng không đáp ứng được các nghĩa vụ tài chính một cách tức thời hoặc phải huy động vốn bổ sung với chi phí cao hoặc phải bán tài sản với giá thấp. Rủi ro thanh khoản xảy ra khiến cho ngân hàng phải đình trệ hoạt động, chi phí bất thường cao, gây thua lỗ, mất uy tín và nếu nghiêm trọng có thể dẫn đến phá sản.

Quản trị rủi ro thanh khoản: Là việc NHTM sử dụng hệ thống các cơ chế quản lý, giải pháp nghiệp vụ và công cụ kỹ thuật thích hợp nhằm duy trì thường xuyên trạng thái cân bằng cung và cầu thanh khoản, xử lý kịp thời những tình huống rủi ro thanh khoản nhưng vẫn đảm bảo khả năng sinh lời cho ngân hàng.

Để quản trị rủi ro thanh khoản có hiệu quả, NHTM cần phải thực hiện các phương pháp phân tích thanh khoản phù hợp, như phương pháp phân tích thanh khoản tĩnh hay phân tích thanh khoản động. Theo tác giả, hiện nay, các NHTM cần quan tâm nhiều hơn đến phương pháp đo lường thanh khoản hiện đại hay còn gọi là phân tích thanh khoản động, bởi vì nó phù hợp với diễn biến thị trường tiền tệ thời gian gần đây cũng như trong giai đoạn tiếp tục thực hiện đề án cơ cấu lại các tổ chức tín dụng hiện nay, thời gian tới theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

Phương pháp quản lý thanh khoản hiện đại hay còn gọi là phương pháp phân tích thanh

khoản động là phương pháp đánh giá trạng thái thanh khoản của ngân hàng bằng cách dự đoán cung, cầu thanh khoản, dự đoán chênh lệch cung, cầu (khe hở) thanh khoản, từ đó đưa ra quyết định quản lý thanh khoản bằng những hạn mức, giới hạn thực hiện. Theo phương pháp này, bộ phận có chức năng quản lý thanh khoản của NHTM cần thực hiện các công việc sau:

(i) *Lập báo cáo dự tính thanh khoản*

Để dự tính một cách tương đối cung cầu thanh khoản theo các khoảng thời gian trong tương lai, thì theo phương pháp này, khi lập báo cáo, mọi khoản mục thuộc bảng cân đối kế toán của NHTM đều phải được báo cáo bằng cách phân bổ dữ liệu gốc luồng tiền vào, luồng tiền ra đến hạn vào các dải kỳ hạn: từ 1 ngày → 7 ngày, 8 ngày → 1 tháng, 1 tháng → 3 tháng, 3 tháng → 6 tháng. Đối với những khoản mục không có kỳ hạn hoặc không có ngày đến hạn cần thì sử dụng các giả thiết kết hợp với phân tích dữ liệu lịch sử để chia vào các thang kỳ hạn thích hợp. Cụ thể như sau:

- *Cung thanh khoản:*

+ Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi tại NHNN, tiền gửi thanh toán tại các tổ chức tín dụng khác: 100% giá trị được phân bổ vào dải kỳ hạn 1 ngày.

+ Tiền gửi có kỳ hạn tại các tổ chức tín dụng khác: phân bổ 100% theo kỳ hạn của nó.

+ Tín phiếu Kho bạc Nhà nước,

*Đại học Ngân hàng TP. HCM



Quản trị rủi ro thanh khoản hiệu quả góp phần đảm bảo sự bền vững của mỗi NHTM và toàn hệ thống

tín phiếu NHNN, trái phiếu chính quyền địa phương (thành phố Hồ Chí Minh và Hà Nội nếu có và tùy theo quy định giao dịch trên thị trường mở của NHNN (có được phép hay không) và trái phiếu Chính phủ (do Kho bạc Nhà nước phát hành): phân bổ 5% giá trị vào dài kỳ hạn 1 ngày, 15% giá trị vào dài kỳ hạn 2 → 7 ngày, 40% giá trị vào dài kỳ hạn 8 ngày → 1 tháng, 40% giá trị vào dài kỳ hạn > 1 → 3 tháng.

+ Giấy tờ có giá khác (ngoài các loại đề cập ở trên) phân bổ 100% theo kỳ hạn.

+ Dự thu lãi và các khoản phải thu khác: phân bổ 50% giá trị vào dài kỳ hạn > 3 → 6 tháng; 50% giá trị còn lại của khoản mục này được coi như có kỳ hạn > 6 tháng và không đưa vào báo cáo cung cầu thanh khoản.

+ Góp vốn liên doanh, mua cổ phần, tài sản cố định, dự phòng rủi ro được coi như có kỳ hạn > 6 tháng và không đưa vào báo cáo cung cầu thanh khoản.

+ Huy động vốn mới kể cả phát hành giấy tờ có giá: dự đoán doanh

số huy động vốn mới tương ứng với các dài kỳ hạn (trường hợp không có biến động bất thường có thể sử dụng số liệu lịch sử phát sinh của các năm trước tương ứng với các dài kỳ hạn).

+ Các khoản mục ngoại bảng: giữ nguyên số dư gốc.

+ Ngoài ra, nguồn ngoại tệ (USD) có thể thực hiện nghiệp vụ Swap với NHNN cũng có thể được tính toán, xem xét theo diễn biến cụ thể và quy định cụ thể trong từng thời kỳ, từng thời điểm. Trong thực tế, một số năm Agribank và Vietinbank sử dụng có hiệu quả khoản mục này khi xử lý thanh khoản vào dịp cuối năm khi thanh khoản căng thẳng.

- **Cầu thanh khoản:**

+ Tiền gửi không kỳ hạn của tổ chức, cá nhân, Kho bạc Nhà nước, Bảo hiểm xã hội, một số tổ chức khác và các tổ chức tín dụng khác: căn cứ vào phân tích số liệu lịch sử và thông tin cập nhật từ phía khách hàng, bộ phận phân tích thanh khoản xác định lượng tiền ổn định và lượng tiền không ổn định của tiền gửi không kỳ

hạn. Lượng tiền ổn định được coi như không bị rút khỏi ngân hàng hoặc có kỳ đến hạn > 6 tháng nên không đưa vào báo cáo cung cầu thanh khoản. Lượng tiền gửi không ổn định được phân bổ 20% vào dài kỳ hạn 1 ngày, 30% vào dài kỳ hạn 2 → 7 ngày, 50% vào dài kỳ hạn 8 ngày đến 1 tháng.

+ Tiền gửi có kỳ hạn của tổ chức và cá nhân, giấy tờ có giá đến hạn: căn cứ vào số liệu lịch sử để xác định khả năng tỷ lệ tiền gửi rút trước hạn và được phân bổ vào kỳ hạn 1 ngày; số dư tiền gửi còn lại được giữ nguyên dữ liệu gốc.

+ Tiền gửi có kỳ hạn, vay các tổ chức tín dụng khác, vay NHNN: giữ nguyên dữ liệu gốc.

+ Dự chi lãi và các khoản phải trả khác: phân bổ 50% giá trị vào dài kỳ hạn 3 tháng → 6 tháng, 50% giá trị của khoản mục này được coi như có kỳ đến hạn > 6 tháng và không đưa vào báo cáo cung cầu thanh khoản.

+ Vốn chủ sở hữu được coi như có kỳ hạn > 6 tháng và không đưa vào báo cáo cung cầu thanh khoản.

+ Cho vay mới khách hàng: thu thập dữ liệu về lịch giải ngân các dự án, dự kiến các khoản cho vay mới phát sinh trong tương lai.

+ Các khoản mục ngoại bảng: giữ nguyên số liệu gốc.

(ii) **Phân tích mô phỏng thanh khoản**

Thiết lập các kịch bản trong tương lai dựa trên các giả định với xác suất xảy ra tối thiểu 5%. Các giả định nêu ra bao gồm: Giả định thay đổi lãi suất kèm với tình hình cạnh tranh, nhất là tính minh bạch trong cạnh tranh thu hút tiền gửi (thực tế các ngân hàng thương mại cổ phần (NHTMCP) có nhiều thủ thuật khác nhau nhằm trả lãi cao hơn trần lãi suất theo quy định của NHNN nhằm lôi kéo tiền gửi của



các NHTM khác); Giả định thay đổi môi trường kinh tế vĩ mô (lạm phát, tăng trưởng, chu kỳ kinh tế thay đổi điều hành chính sách tài chính - tiền tệ...) và môi trường vi mô (cạnh tranh của tổ chức tín dụng khác, uy tín ngân hàng...).

- Với mỗi kịch bản, cần dự báo các yếu tố: Kế hoạch cho vay mới; Khả năng huy động tiền gửi mới; từ các tổ chức, cá nhân; Khả năng từ huy động vốn mới từ phát hành giấy tờ có giá; Khả năng vay cầm cố, chiết khấu, nghiệp vụ thị trường mở, Swap ngoại tệ của NHNN; Khả năng huy động thêm tiền gửi, vay các tổ chức tín dụng khác; Khả năng thực hiện hợp đồng repo (bán chứng khoán cam kết mua lại); Khả năng chuyển các tài sản khác thành tiền mặt (tài sản cố định, vốn liên doanh, cổ phần,...).

(iii) Phân tích khả năng thanh toán

Việc phân tích khả năng thanh toán được thực hiện với giả thiết hoạt động kinh doanh của ngân hàng là bình thường. Trên thực tế, khó có thể xảy ra trường hợp tất cả các khách hàng đều đến ngân hàng rút hết tiền trong cùng 01 ngày. Với hoạt động kinh doanh bình thường ngân hàng sẽ ước tính được lượng tiền gửi vào hoặc rút ra. Chúng ta có thể thấy, thành phần tiền gửi của khách hàng luôn luôn thay đổi, theo tình hình thị trường khách hàng có thể chuyển từ tiền gửi sang danh mục khác, từ kỳ hạn này sang kỳ hạn khác và trong ngắn hạn, sự thay đổi chỉ ảnh hưởng chủ yếu đến phần vốn không ổn định. Các nhà quản trị ngân hàng sẽ cần phải nắm vững và giám sát hành vi của các nhóm đối tượng khách hàng theo từng loại sản phẩm tiền gửi và ngày đáo hạn, xây dựng các kịch bản tác động đến luồng tiền vào, luồng tiền ra để từ đó xác định trạng thái

thanh khoản để dự đoán thanh khoản trong thời gian tới dư thừa hay thiếu hụt.

(iv) Đánh giá rủi ro thanh khoản

Mục đích của việc phân tích rủi ro thanh khoản là nhằm đánh giá tình trạng ngân hàng sẽ ra sao nếu tình huống xấu nhất có thể xảy ra mà cụ thể tình huống được đề cập ở đây là khủng hoảng thanh khoản xảy ra tại ngân hàng (ví dụ tại ACB năm 2003, tại NHTMCP Phương Nam năm 2005,...) từ đó đánh giá khả năng chống đỡ của ngân hàng trước những tình huống xấu. Cụ thể ngân hàng sẽ phải tiến hành đánh giá trên các mặt sau: Khả năng huy động vốn của ngân hàng trên thị trường liên ngân hàng (cần thiết lập hợp đồng khung với hạn mức cụ thể, hợp đồng đối tác tin cậy về hỗ trợ thanh khoản với NHTM khác, như: NHTMCP Bắc Á với BIDV, NHTMCP Sài Gòn với BIDV...); khả năng hỗ trợ của NHNN; của Bảo hiểm tiền gửi; Yếu tố thời gian: ngân hàng có thể huy động hoặc cho vay bao nhiêu trong khoảng thời gian nhất định; Thời gian cần phải có để ngân hàng có thể bán một số tài sản nhất định; Ngân hàng có thể bán các tài sản tại mức giá nào; Khủng hoảng xảy ra là có tính hệ thống hay chỉ cục bộ trong ngân hàng; Khả năng ngân hàng có thể tiếp tục cung cấp các dịch vụ cho khách hàng một cách bình thường hay không; Khả năng tạo vốn thanh khoản từ các công cụ phái sinh và các hoạt động ngoại bảng.

Điều kiện áp dụng: Để áp dụng được phương pháp này yêu cầu ngân hàng phải có kho dữ liệu tập trung với cơ sở dữ liệu đủ mạnh phục vụ cho công tác lập báo cáo, phân tích, dự báo. Như vậy, yêu cầu ngân hàng phải có một nền tảng cơ sở vật chất cũng như trình độ công nghệ phát triển ở mức

tương đối cao.

Bên cạnh đó, với phương pháp này đối tượng là trạng thái thanh khoản trong tương lai với nhiều yếu tố khách quan tác động nên yêu cầu khả năng phân tích, dự báo tương đối chính xác và phức tạp, do vậy, yêu cầu về trình độ cán bộ tác nghiệp cũng là tương đối cao trong khi đây là hạn chế phổ biến ở các NHTM Việt Nam hiện nay.

Đánh giá phương pháp

- Ưu điểm

Ngược lại với phương pháp phân tích thanh khoản tĩnh, phương pháp phân tích thanh khoản động qua phân tích trạng thái thanh khoản là phương pháp mang lại hiệu quả cao và ngày càng phù hợp với xu hướng phát triển của hoạt động ngân hàng cũng như tình hình biến động của thị trường tiền tệ hiện nay ở nước ta. Với phương pháp này ngân hàng sẽ thực hiện tốt hơn mục tiêu của quản lý thanh khoản là an toàn và hiệu quả trong hoạt động.

- Nhược điểm

Như đã đề cập ở trên, yêu cầu của phương pháp thanh khoản động là tương đối cao về cơ sở vật chất, công nghệ cũng như nguồn nhân lực trong khi đây đang là hạn chế của hệ thống NHTM nước ta, do vậy, việc áp dụng tương đối khó và yêu cầu phải có sự đầu tư lớn.

Cùng với việc lựa chọn phương pháp quản lý, phân tích thanh khoản thì NHTM cần có biện pháp quản trị rủi ro thanh khoản linh hoạt.

Về biện pháp cụ thể

- **Quản trị thanh khoản "Có":** Ngân hàng tích lũy thanh khoản bằng cách nắm giữ các tài sản có tính thanh khoản cao: chủ yếu là tiền mặt, tín phiếu kho bạc Nhà nước, trái phiếu kho bạc (chính phủ) và các chứng khoán dễ bán.

- **Ưu điểm:** Các tài khoản có tính



thanh khoản có thể chuyển hóa thành tiền mặt nhanh chóng với chi phí chuyển nhượng thấp.

- **Nhược điểm:** Chịu một chi phí cơ hội lớn do tiền mặt không mang lại thu nhập lãi suất và tín phiếu, trái phiếu kho bạc có mức lãi suất không hấp dẫn. Hay nói cách khác, một tài sản là thanh khoản sẽ mang lại thu nhập thấp và ngược lại một tài sản mang lại thu nhập cao sẽ không thanh khoản.

- **Quản trị thanh khoản "Nợ":** Ngân hàng sẽ thực hiện mua thanh khoản hay vay nợ trên thị trường tiền tệ để đáp ứng các yêu cầu về thanh khoản phát sinh.

- **Ưu điểm:** không làm thay đổi quy mô bảng cân đối tài sản và kết cấu tài sản có nên nếu ngân hàng quản lý tài sản nợ một cách hiệu quả, thì chiến lược kinh doanh bên tài sản có sẽ không bị ảnh hưởng bởi những khách hàng rút tiền gửi quá mức thông thường.

- **Nhược điểm:** biện pháp này tương đối tốn kém vì ngân hàng phải đi vay vốn bổ sung với lãi suất cao hơn lãi suất chi trả cho những khoản tiền gửi.

Quản trị thanh khoản phối hợp: Ngân hàng sử dụng cả việc tích trữ thanh khoản và đi mua thanh khoản trên thị trường tiền tệ để đáp ứng nhu cầu thanh khoản.

Về biện pháp chung: Biện pháp chung bao gồm các qui tắc nhằm xây dựng một chương trình quản lý rủi ro thanh khoản (RRTK), đo lường và giám sát trạng thái thanh khoản, quản trị khả năng tiếp cận các nguồn vốn, lập kế hoạch dự phòng, quản trị thanh khoản đối với ngoại tệ, kiểm soát nội bộ trong quản trị RRTK, công bố thông tin ra ngoài và các nguyên tắc qui định vai trò Ban kiểm soát của NHTM.

- **Xây dựng một chương trình quản lý RRTK**

Quy tắc 1: Các NHTM phải có

một chiến lược thống nhất về quản trị thanh khoản.

Quy tắc 2: Hội đồng quản trị hoặc ban lãnh đạo ngân hàng cần thông qua chiến lược và chính sách quản trị thanh khoản cần thiết.

Quy tắc 3: Mỗi ngân hàng phải có bộ phận quản trị chịu trách nhiệm thực hiện chiến lược quản trị thanh khoản.

Quy tắc 4: Ngân hàng phải có các hệ thống thông tin đầy đủ để đo lường, giám sát, kiểm soát và báo cáo rủi ro thanh khoản

- **Đo lường và giám sát trạng thái thanh khoản**

Quy tắc 5: Mỗi ngân hàng cần xây dựng một quy trình đo lường và giám sát thường xuyên trạng thái thanh khoản (BIS đề xuất phương pháp thang đo hạn).

Quy tắc 6: Mỗi ngân hàng cần phân tích trạng thái thanh khoản theo các kịch bản khác nhau có thể xảy ra.

Quy tắc 7: Mỗi ngân hàng cần thường xuyên xem xét lại các giả định đưa ra khi xác định trạng thái thanh khoản: Các giả định về tài sản có, tài sản nợ, cam kết ngoại bảng

- **Quản trị khả năng tiếp cận các nguồn vốn**

Quy tắc 8: Mỗi ngân hàng cần thường xuyên xem xét về mối quan hệ với các nhà cung cấp vốn, mức độ tập trung của nhà cung cấp vốn.

- **Biện lập kế hoạch dự phòng**

Quy tắc 9: Mỗi ngân hàng cần phải xây dựng các kế hoạch đối phó với các khủng hoảng thanh khoản.

- **Quản trị thanh khoản đối với ngoại tệ:**

Quy tắc 10: Mỗi ngân hàng cần có hệ thống đo lường, giám sát và kiểm soát trạng thái thanh khoản đối với các loại ngoại tệ mà ngân hàng có giao dịch nhiều.

Quy tắc 11: Mỗi ngân hàng cần đưa ra các hạn mức cho phép và

thường xuyên xem xét các hạn mức

- **Kiểm soát nội bộ trong quản trị rủi ro thanh khoản**

Quy tắc 12: Mỗi ngân hàng cần các thủ tục kiểm soát nội bộ cần thiết cài đặt trong quá trình quản trị RRTK. Thủ tục kiểm soát nội bộ quan trọng nhất là cần có cuộc kiểm tra, đánh giá độc lập để đánh giá hiệu quả của quản trị RRTK. Kết quả kiểm soát nội bộ cần báo cáo với ban kiểm soát của ngân hàng.

- **Công bố thông tin ra ngoài**

Quy tắc 13: Mỗi ngân hàng cần có một cơ chế đảm bảo rằng, thông tin về hoạt động của ngân hàng được công bố ra ngoài để đảm bảo uy tín và tình hình hoạt động của ngân hàng là lành mạnh.

- **Vai trò của Ban kiểm soát**

Quy tắc 14: Ban kiểm soát phải thực hiện các cuộc kiểm tra, đánh giá độc lập về chiến lược, chính sách, thủ tục và biện pháp ngân hàng thực hiện quản trị RRTK. Ban kiểm soát cũng phải nhận được các thông tin kịp thời để đánh giá RRTK và đảm bảo rằng ngân hàng có kế hoạch quản trị thanh khoản cần thiết.

Quản trị RRTK hiệu quả có tính cấp thiết đối với các NHTM ở nước ta hiện nay, giúp giảm thiểu chi phí, hạn chế rủi ro, góp phần tối đa hoá lợi nhuận, tăng lợi ích cho cổ đông. Không những vậy, quản trị rủi ro thanh khoản hiệu quả còn làm tăng uy tín của NHTM, góp phần đảm bảo sự bền vững của mỗi NHTM cũng như cả hệ thống NHTM. Vì vậy, các NHTM cần hết sức quan tâm đến vấn đề này. ■

Tài liệu tham khảo

- 1- Nguyễn Văn Tiến (2002), Đánh giá và phòng ngừa rủi ro trong kinh doanh ngân hàng, Nhà xuất bản Thống kê, Hà Nội.
2. Nguyễn Văn Tiến (2010), Quản trị rủi ro trong kinh doanh ngân hàng, Nhà xuất bản Thống kê, Hà Nội.
3. Rudolf Duttweiler (2010), Quản lý thanh khoản trong ngân hàng, Nhà xuất bản Tổng hợp, Tp Hồ Chí Minh.
4. Một số trang web và tài liệu khác.